

Số: 69/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Đông, ngày 22 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-VHNGĐ ngày 09/01/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/4/1990; ĐKKHKT: Số X Dãy Y Khu A, Tổ dân phố 8, Tập thể HVQY, phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Trọng T, sinh ngày 16/10/1987; ĐKKHKT: Số X Dãy Y Khu A, Tổ dân phố 8, Tập thể HVQY, phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội ngày 26/12/2012 do hai bên tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn mặc dù gia đình, người thân hai bên giúp vợ chồng hòa giải nhưng không thể đoàn tụ hòa thuận, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chị H, anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương K, sinh ngày 25/02/2014. Hai bên thống nhất, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng, anh Phạm Trọng T tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Trọng T (Giấy chứng nhận kết hôn số 185 Quyền số 01/2012 ngày 26/12/2012 của Ủy ban nhân dân phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội không còn giá trị).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương K, sinh ngày 25/02/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện nộp 150.000 đồng; anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Được trừ số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0008656 và 0008657 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Ánh